

Các Vấn Đề Pháp Lý Về Tàu Biển Và Thuyền Bộ Tàu Biển

Mục Lục

Câu 1: Khái niệm tàu biển trong Luật hàng hải?.....	3
Câu 2: Định nghĩa tàu biển theo Bộ Luật Hàng hải 2015 của Việt Nam? So sánh với Bộ luật Hàng hải 2005 có điểm gì mới?	3
Câu 3: Phân loại tàu biển và quản lý nhà nước về các loại tàu biển đó?.....	3
Câu 4: Quốc tịch tàu biển? Quyền và nghĩa vụ của tàu biển theo luật quốc tịch tàu biển?	4
Câu 5: Đăng ký tàu biển là gì? Các hình thức đăng ký tàu biển theo BLHHVN 2015?	4
Câu 6: Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam hiện nay được quy định như thế nào?	5
Câu 7: Điều kiện đăng ký tàu biển Việt Nam theo BLHHVN 2015?	6
Câu 8: Nguyên tắc đăng ký tàu biển Việt Nam theo BLHHVN 2015?	6
Câu 9: Quy định hiện hành về đăng ký tàu biển không thời hạn và đăng ký tàu biển có thời hạn?.....	6
Câu 10: Quy định hiện hành về đăng ký lại tàu biển và đăng ký thay đổi tàu biển?.....	7
Câu 11: Quy định hiện hành về các trường hợp đăng ký tàu biển tạm thời?	8
Câu 12: Nội dung cơ bản của sổ đăng ký tàu biển quốc gia?.....	9
Câu 13: Các loại tàu biển phải đăng ký và trách nhiệm của chủ tàu về đăng ký tàu biển theo BLHHVN 2015?	9
Câu 14: Các trường hợp xóa đăng ký tàu biển theo BLHHVN 2015?	10
Câu 15: Trách nhiệm về đăng kiểm tàu biển? Các mặt kiểm định của đăng kiểm để cấp giấy chứng nhận cho tàu biển?	10
Câu 16: Tính chất pháp lý về các giấy chứng nhận do Cục Hàng hải cấp cho tàu biển?.....	11
Câu 17: Các giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu biển?.....	11
Câu 18: Các tài liệu, giấy tờ do tàu lập ra?	12
Câu 19: Quyền cầm giữ hàng hải theo BLHHVN 2015?.....	13
Câu 20: Các khiếu nại phát sinh quyền cầm giữ hàng hải theo BLHHVN 2015?.....	13
Câu 21: Thời hiệu quyền cầm giữ hàng hải theo BLHHVN 2015?.....	13
Câu 22: Khái niệm chung về thuyền bộ tàu biển?	14
Câu 23: Thế nào là một thuyền bộ an toàn?	14
Câu 24: Địa vị pháp lý của thuyền trưởng?	15
Câu 25: Nghĩa vụ chủ yếu của thuyền trưởng theo BLHHVN 2015?.....	15
Câu 26: Trách nhiệm của thuyền trưởng về hộ tịch tàu biển?	16
Câu 27: Trách nhiệm của thuyền trưởng trong việc bắt giữ người trên tàu biển?	16

Câu 28: Quyền hạn chủ yếu thuyền trưởng theo BLHHVN?	16
Câu 29: Phân hạng chức danh sỹ quan tàu biển?.....	17
Câu 30: Điều kiện đối với thuyền viên để được làm việc trên tàu biển?	17
Câu 31: Nghĩa vụ của thuyền viên theo BLHHVN 2015?	18
Câu 32: Chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên theo BLHHVN 2015?.....	18
Câu 33: Quy định về việc hồi hương của thuyền viên theo BLHHVN 2015?	19
Câu 34: Trách nhiệm của chủ tàu trong việc chăm sóc sức khỏe cho thuyền viên theo quy định của BLHHVN 2015?.....	19
Câu 35: Trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp? .20	
Câu 36: Những yêu cầu đáp ứng khả năng an toàn đi biển của tàu?.....	20
Câu 37: Việc kiểm tra tàu thường xuyên, kiểm tra trung gian và kiểm tra định kỳ được tiến hành như thế nào?	21

Câu 1: Khái niệm tàu biển trong Luật hàng hải?

- Theo quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển 1972: Tàu thuyền bao gồm loại phương tiện vận tải trên mặt nước, kể cả các loại tàu thuyền không có lượng chiếm nước, tàu đệm khí có cánh – WIG craft và thủy phi cơ được sử dụng hoặc có thể sử dụng được giống như 1 phương tiện giao thông trên mặt nước.
- Theo Luật biển VN 2012: Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.
- Theo Bộ luật hàng hải VN 2005: Tàu biển là tàu hoặc cấu trúc nổi di động khác chuyên dùng hoạt động trên biển.
- Theo Bộ luật hàng hải VN 2015: Tàu biển là phương tiện nổi di động chuyên dùng hoạt động trên biển. Tàu biển quy định trong bộ luật này không bao gồm tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi.

Câu 2: Định nghĩa tàu biển theo Bộ Luật Hàng hải 2015 của Việt Nam?

So sánh với Bộ luật Hàng hải 2005 có điểm gì mới?

- Theo Bộ luật hàng hải VN 2015: Tàu biển là phương tiện nổi di động chuyên dùng hoạt động trên biển. Tàu biển quy định trong bộ luật này không bao gồm tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi.
- Phạm vi áp dụng thu hẹp lại, tàu biển theo BLHHVN 2005 không bao gồm phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi.

Câu 3: Phân loại tàu biển và quản lý nhà nước về các loại tàu biển đó?

❖ Phân loại:

- Trong các Công ước quốc tế và luật hàng hải của các nước, tàu biển thường được chia làm 2 nhóm:
 - + Tàu buôn: là các tàu biển chuyên dùng để vận chuyển hàng hóa, hành khách và hành lý, thăm dò – khai thác – chế biến tài nguyên biển, lai dắt cứu hộ trên biển, trục vớt tài sản chìm đắm và thực hiện các mục đích kinh tế khác.
 - + Tàu công vụ Nhà nước: là tàu biển chuyên dùng để thực hiện các hoạt động bảo đảm hàng hải, khí tượng – thủy văn, thông tin – liên lạc, thanh tra, hải quan, phòng dịch, chữa cháy, hoa tiêu, huấn luyện, bảo vệ môi trường hoặc tìm kiếm cứu nạn trên biển. Những tàu này thường thuộc sở hữu của nhà nước, hoạt động với mục đích công ích và do kinh phí nhà nước cấp.
- Theo IMO, công ước quốc tế về dung tích tàu biển, phân loại theo tổng dung tích của tàu:
 - + Aframax là tàu chở dầu cỡ trung bình có tổng trọng tải từ 80.000 đến 119.999.
 - + Capesize: những tàu chở hàng lớn, rất lớn với sức chở hơn 150.000 DWT, phân loại theo VLCC, ULCC, VLOC và có thể tới 400.000 DWT. Dùng để vận chuyển than đá, dầu thô, quặng sắt, chỉ phù hợp hoạt động ở 1 số cảng nước sâu.
 - + Chinamax: những tàu rất lớn có trọng tải từ 380.000 – 400.000 DWT.
 - + Handymax là tàu chở hàng cỡ nhỏ với kích thước < 60.000 DWT.

- + Supermax có sức chở từ 50.000 đến 60.000 DWT.
- + Handysize là tàu nhỏ với sức chở dao động từ 15.000 đến 35.000 DWT.
- + Malaccamax: là những tàu lớn nhất có thể đi qua luồng Malacca với mức nước tối đa 25m.
- + Panamax và new panamax trọng tải trung bình 65.000 DWT.
- + Qatarmax là tàu chở khí ga hóa lỏng, Seawaymax, Suezmax : 120.000 đến 200.000 DWT.
- + VLCC là tàu chở hàng thô rất lớn 180.000 đến 320.000 DWT.
- + ULCC là tàu vận tải lớn nhất thế giới trên 320.000 DWT.
- Theo mục đích hoạt động:
 - + Tàu biển thương mại: là các tàu hoạt động vì mục đích kinh tế như tàu Container, tàu hàng rời, tàu bách hóa, tàu chở ô tô...
 - + Tàu biển phi thương mại: chuyên dùng để phục vụ cho mục đích công cộng như thực hiện các hoạt động bảo đảm hàng hải, khí tượng – thủy văn, thông tin – liên lạc, thanh tra, hải quan...
- ❖ Quản lý nhà nước:
 - Tàu quân sự, tàu ngầm... thuộc sự quản lý của Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng.
 - Tàu cảnh sát biển thuộc sự quản lý của Bộ tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Quốc phòng.
 - Tàu cá, tàu kiểm ngư thuộc quản lý của Cục thủy sản, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
 - Tàu cứu hộ thuộc các trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn khu vực 1,2,3,4, Bộ giao thông vận tải.

Câu 4: Quốc tịch tàu biển? Quyền và nghĩa vụ của tàu biển theo luật quốc tịch tàu biển?

- Theo quan điểm của luật hàng hải quốc tế thì mỗi tàu biển phải có 1 quốc tịch, phải tuân theo luật lệ nước đó về tổ chức nội bộ hoạt động của tàu. Tàu mang quốc tịch nước nào thì đc phép mang cờ nước đó để hoạt động.
- Điều bắt buộc tàu phải có 1 quốc tịch nhất định và mang 1 cờ tương ứng là 1 biện pháp quan trọng để đảm bảo chế độ pháp lý trên biển cả.
- Tất cả các nước trên thế giới kể cả có biển hay không có biển đều có quyền thành lập đội tàu mang quốc tịch nước mình, các đội tàu này có quyền bình đẳng như nhau.
- Theo quy định thì 1 tàu chỉ đc mang 1 quốc tịch. Nếu 1 tàu nào đó trong cùng 1 lúc lại sử dụng 2 quốc tịch tùy theo sự thuận lợi của mình thì sẽ không đc công nhận bất cứ quốc tịch nào trong đó và xem như không có quốc tịch, có thể bị bắt giữ.
- ❖ Quyền lợi:

Câu 5: Đăng ký tàu biển là gì? Các hình thức đăng ký tàu biển theo BLHHVN 2015?

- Đăng ký tàu biển là việc ghi, lưu trữ các thông tin về tàu biển vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN và cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển VN theo quy định của BLHHVN 2015 và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Đây là 1 trong những thủ tục quan trọng nhất đối với tàu biển vì nó sẽ là giấy khai sinh của tàu cũng như là bằng chứng về quốc tịch của tàu biển. Đồng thời đây là bước bảo đảm sự kiểm tra Nhà nước đối với trang thiết bị liên quan đến an toàn hàng hải.

Để được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia thì trước hết tàu biển phải đăng ký kỹ thuật tại cơ quan đăng kiểm tàu biển VN hoặc các cơ quan đăng kiểm nước ngoài đc đăng kiểm VN ủy quyền. Việc đăng ký này đc thực hiện sau khi kiểm tra tình trạng kỹ thuật và an toàn của tàu sau đó cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật cần thiết có giá trị pháp lý quốc tế. Đây là thủ tục nhằm mục đích đảm bảo cho tàu biển đc đóng và khai thác thỏa mãn các yêu cầu kỹ thuật về an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm biển theo quy định của pháp luật VN và các ĐU'QT có liên quan.

- Các hình thức đăng ký tàu biển:
 - + Đăng ký tàu biển không thời hạn
 - + Đăng ký tàu biển có thời hạn
 - + Đăng ký thay đổi
 - + Đăng ký tàu biển tạm thời
 - + Đăng ký tàu biển đang đóng
 - + Đăng ký tàu biển loại nhỏ

Câu 6: Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam hiện nay được quy định như thế nào?

Cơ quan đăng ký tàu biển tại VN gồm:

- + Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia là Cục Hàng hải VN
- + Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực là Chi cục hàng hải hoặc Cảng vụ hàng hải do Cục trưởng Cục hàng hải VN quyết định. Theo đó cơ quan đăng ký tàu biển khu vực là Chi cục hàng hải VN tại Hải Phòng, TP HCM hoặc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng.
- Nhiệm vụ của cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia:
 - + Lập và quản lý Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN.
 - + Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động đăng ký tàu biển VN tại các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực.
 - + Tổng hợp, thống kê, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động đăng ký tàu biển, cung cấp thông tin liên quan cho tổ chức, cá nhân quan tâm.
 - + Thống nhất quản lý việc in ấn, phát hành các mẫu giấy tờ liên quan đến hoạt động đăng ký tàu biển, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký tàu biển theo quy định.
 - + Hợp tác quốc tế về đăng ký tàu biển.
 - + Thông báo thông tin cụ thể trên trang thông tin điện tử của Cục hàng hải VN về địa chỉ, tài khoản của Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực để tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện việc gửi hồ sơ qua đường bưu chính và nộp phí, lệ phí bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng.
- Nhiệm vụ của cơ quan đăng ký tàu biển khu vực:
 - + Thực hiện việc đăng ký tàu biển theo quy định của BLHHVN.
 - + Thực hiện việc đăng ký thế chấp tàu biển theo các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và đăng ký giao dịch bảo đảm.
 - + Lưu trữ và quản lý hồ sơ liên quan đến hoạt động đăng ký tàu biển tại khu vực và cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân quan tâm.

- + Thu, nộp và sử dụng lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của pháp luật.

Câu 7: Điều kiện đăng ký tàu biển Việt Nam theo BLHHVN 2015?

Tàu biển khi đăng ký phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu biển
- Giấy chứng nhận dung tích, giấy chứng nhận phân cấp tàu biển
- Tên gọi riêng của tàu biển
- Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký hoặc xóa đăng ký, nếu tàu biển đó đã đc đăng ký ở nước ngoài, trừ trường hợp đăng ký tạm thời
- Chủ tàu có trụ sở, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại VN
- Tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng lần đầu tiên đăng ký hoặc đăng ký lại tại VN phải có tuổi tàu phù hợp với từng loại tàu biển theo quy định của Chính phủ
- Đã nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật
- Tàu biển nước ngoài đc tổ chức, cá nhân VN thuê theo hình thức thuê tàu trần, thuê mua tàu khi đăng ký mang cờ quốc tịch VN, ngoài các quy định trên phải có hợp đồng thuê tàu trần or hợp đồng thuê mua tàu.

Câu 8: Nguyên tắc đăng ký tàu biển Việt Nam theo BLHHVN 2015?

- Tàu biển thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân VN đc đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN, bao gồm đăng ký mang cờ quốc tịch VN và đăng ký sở hữu tàu biển đó. Trường hợp tàu biển thuộc sở hữu của từ 2 tổ chức, cá nhân trở lên thì việc đăng ký phải ghi rõ các chủ sở hữu và tỷ lệ sở hữu.
- Tàu biển thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài có đủ điều kiện theo quy định của BLHHVN 2015 đc đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN. Việc đăng ký tàu biển VN thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm đăng ký mang cờ quốc tịch VN và đăng ký sở hữu tàu biển đó hoặc chỉ đăng ký mang cờ quốc tịch VN.
- Tàu biển nước ngoài do tổ chức, cá nhân VN thuê theo hình thức thuê tàu trần, thuê mua tàu có thể đc đăng ký mang cờ quốc tịch VN.
- Tàu biển đã đăng ký ở nước ngoài không đc đăng ký mang cờ quốc tịch VN, trừ trường hợp đăng ký cũ đã đc tạm ngừng or đã bị xóa.
- Việc đăng ký tàu biển VN do Cơ quan đăng ký tàu biển VN thực hiện công khai và thu lệ phí; tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu đc cấp trích lục hoặc bản sao từ Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN và phải nộp lệ phí.
Tàu biển thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân VN có thể đc đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài.

Câu 9: Quy định hiện hành về đăng ký tàu biển không thời hạn và đăng ký tàu biển có thời hạn?

- ❖ Đăng ký tàu biển không thời hạn: là việc đăng ký tàu biển có đủ điều kiện theo quy định để đc cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển VN.
- Hồ sơ đăng ký tàu biển không thời hạn bao gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển

- + Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu đc đóng mới.
 - + Hợp đồng mua, bán tàu biển or hợp đồng đóng mới tàu biển or các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển.
 - + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển
 - + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển
 - + Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trc bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào NSNN.
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh or giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
Trường hợp chủ tàu là cá nhân phải nộp thêm CMND or giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của CA xã. Trường hợp chủ tàu là cá nhân nước ngoài thì nộp bản sao hộ chiếu.
- ❖ Đăng ký tàu biển có thời hạn: là việc đăng ký tàu biển trong 1 thời hạn nhất định đc áp dụng đối với tàu biển nước ngoài do tổ chức, cá nhân VN thuê theo hợp đồng thuê tàu trần or thuê mua tàu or tàu biển nước ngoài đăng ký có thời hạn tại VN.
- Hồ sơ đăng ký tàu biển có thời hạn bao gồm:
- + Tờ khai đăng ký tàu biển
 - + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển
 - + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh or giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - + Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển
 - + Hợp đồng thuê mua tàu or hợp đồng thuê tàu trần
 - + Biên bản bàn giao tàu
 - + Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trc bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào NSNN.
Trường hợp chủ tàu là cá nhân phải nộp thêm CMND or giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của CA xã.
- Trường hợp chủ tàu là tổ chức or cá nhân nước ngoài, bao gồm các giấy tờ theo quy định, giấy phép thành lập chi nhánh tại VN or hộ chiếu.

Câu 10: Quy định hiện hành về đăng ký lại tàu biển và đăng ký thay đổi tàu biển?

- ❖ Đăng ký lại tàu biển: là việc đăng ký tàu biển mà trước đây tàu biển đó đã đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN nhưng sau đó đã tạm ngừng đăng ký.
- Hồ sơ đăng ký lại tàu biển gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển
 - + Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu đc đóng mới, or giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký.
 - + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển
 - + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh or giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- ❖ Đăng ký thay đổi: là việc đăng ký tàu biển đã đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN nhưng có sự thay đổi về tên tàu or chủ tàu, kết cấu và thông số kỹ thuật, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực, tổ chức đăng kiểm tàu biển.
- Thay đổi tên tàu biển:
Hồ sơ đăng ký thay đổi tên tàu biển gồm văn bản nêu rõ lý do thay đổi tên tàu và giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.
- Thay đổi chủ tàu:
- + Tờ khai đăng ký tàu biển
- + Hợp đồng mua, bán tàu biển or hợp đồng đóng tàu biển or các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác.
- + Bản photo hóa đơn nộp phí, lệ phí
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh or giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật:
- + Văn bản nêu rõ lý do thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển
- + Các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật có liên quan đến thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật của tàu đc tổ chức đăng kiểm cấp
- Thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển khu vực: Hồ sơ thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển gồm văn bản nêu rõ lý do chuyển cơ quan đăng ký tàu biển khu vực và giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.
- Thay đổi tổ chức đăng kiểm tàu biển:
- + Văn bản nêu rõ lý do chuyển tổ chức đăng kiểm tàu biển
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển.

Câu 11: Quy định hiện hành về các trường hợp đăng ký tàu biển tạm thời?

Đăng ký tàu biển tạm thời là việc đăng ký tàu biển thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân VN or tổ chức, cá nhân nước ngoài tạm thời mang cờ quốc tịch VN trong các trường hợp sau đây:

- Chưa nộp phí, lệ phí theo quy định
- Chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển nhưng đã có cam kết trong hợp đồng mua, bán tàu biển là bên bán sẽ giao giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển cho bên mua trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản bàn giao tàu. Trong trường hợp này giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển VN chỉ có hiệu lực kể từ ngày 2 bên mua, bán ký biên bản bàn giao tàu.
- Thủ tàu đóng mới or nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu.
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.
- ❖ Thủ tục đăng ký tàu biển tạm thời:
- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển VN đc cấp 1 bản chính cho chủ tàu đăng ký tàu biển tạm thời mang cờ quốc tịch VN.
- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển VN có giá trị 180 ngày kể từ ngày cấp. Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực khi tàu chưa thể về VN để hoàn thành đăng ký thủ tục chính thức, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi cấp giấy chứng nhận gia hạn 1 lần nhưng không

quá 180 ngày, kể từ ngày hết hiệu lực của giấy chứng nhận lần đầu. Trường hợp sau khi gia hạn giấy chứng nhận mà tàu biển chưa thể về VN để hoàn thành thủ tục đăng ký chính thức vì lý do bất khả kháng, Cục trưởng Cục hàng hải VN quyết định gia hạn thời gian đăng ký tàu biển tạm thời nhưng không quá 180 ngày.

Câu 12: Nội dung cơ bản của sổ đăng ký tàu biển quốc gia?

- Tên cũ, tên mới của tàu biển; tên, nơi đặt trụ sở của chủ tàu; tên, nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện tại VN của chủ tàu nước ngoài; tên, nơi đặt trụ sở của người thuê tàu trần, người thuê mua tàu xin đăng ký; tên người khai thác tàu, nếu có; loại tàu biển và mục đích sử dụng.
 - Cảng đăng ký
 - Số đăng ký
 - Thời điểm đăng ký
 - Nơi và năm đóng tàu biển
 - Tên, địa chỉ nhà máy đóng tàu biển và năm đóng tàu biển
 - Các thông số kỹ thuật chính của tàu
 - Tình trạng sở hữu tàu biển và những thay đổi có liên quan đến sở hữu
 - Thời điểm và lý do của việc tạm ngừng hoặc xóa đăng ký
 - Thông tin về đăng ký thế chấp tàu biển
- Mọi thay đổi về nội dung đăng ký ở trên phải đc ghi rõ vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN.

Câu 13: Các loại tàu biển phải đăng ký và trách nhiệm của chủ tàu về đăng ký tàu biển theo BLHHVN 2015?

- ❖ Các loại tàu biển phải đăng ký:
 - Tàu biển có động cơ với tổng công suất máy chính từ 75 KW trở lên;
 - Tàu biển không có động cơ, nhưng có tổng dung tích từ 50 GT trở lên or có trọng tải từ 100 tấn trở lên or có chiều dài đường nước thiết kế từ 20m trở lên;
 - Tàu biển nhỏ hơn các loại tàu biển quy định ở trên nhưng hoạt động ở tuyến nước ngoài;
 - Việc đăng ký các loại tàu biển không thuộc trường hợp trên do Chính phủ quy định.
- ❖ Trách nhiệm của chủ tàu về đăng ký tàu biển:
 - Chủ tàu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các giấy tờ và khai báo đầy đủ, chính xác các nội dung liên quan đến tàu biển đăng ký quy định trong BLHHVN 2015 cho cơ quan đăng ký tàu biển VN.
 - Trường hợp tàu biển do tổ chức, cá nhân VN đóng mới, mua, đc tặng, cho, thừa kế thì chủ tàu có trách nhiệm đăng ký tàu biển theo quy định.
 - Chủ tàu có trách nhiệm nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của pháp luật.
 - Sau khi chủ tàu hoàn thành việc đăng ký tàu biển thì đc cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển VN. Giấy chứng nhận này là bằng chứng về việc tàu biển mang cờ quốc tịch VN và tình trạng sở hữu tàu biển đó.
 - Chủ tàu có trách nhiệm thông báo chính xác, đầy đủ và kịp thời cho cơ quan đăng ký tàu biển VN về mọi thay đổi của tàu liên quan đến nội dung đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN.

Các quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân VN thuê tàu trần, thuê mua tàu.

Câu 14: Các trường hợp xóa đăng ký tàu biển theo BLHHVN 2015?

1. Tàu biển Việt Nam phải xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam trong trường hợp sau đây:

- Bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm mà không thể trục vớt được;
- Mất tích;
- Không còn đủ điều kiện để được mang cờ quốc tịch Việt Nam;
- Không còn tính năng tàu biển;
- Theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký tàu biển.

2. Trong các trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này, tàu biển đang thể chấp chỉ được xóa đăng ký tàu biển Việt Nam, nếu người nhận thể chấp tàu biển đó chấp thuận.

3. Khi xóa đăng ký tàu biển hoặc xóa đăng ký tàu biển đang đóng, Cơ quan đăng ký tàu biển VN thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển VN hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

Câu 15: Trách nhiệm về đăng kiểm tàu biển? Các mặt kiểm định của đăng kiểm để cấp giấy chứng nhận cho tàu biển?

❖ Trách nhiệm đăng ký tàu biển:

1. Chủ tàu biển có trách nhiệm thực hiện quy định về đăng kiểm tàu biển khi tàu biển được đóng mới, nhập khẩu, hoán cải, sửa chữa phục hồi và trong quá trình hoạt động; bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu biển giữa hai kỳ kiểm định, đánh giá theo quy định của pháp luật và ĐUQT liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

2. Tổ chức đăng kiểm khi thực hiện công tác đăng kiểm phải tuân theo quy định của pháp luật VN và ĐUQT liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm và người trực tiếp thực hiện kiểm định, đánh giá phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, đánh giá.

❖ Các mặt kiểm định:

- Thẩm định thiết kế tàu biển;
- Kiểm tra/ chứng nhận vật liệu, trang thiết bị lắp đặt trên tàu;
- Kiểm tra, giám sát trong quá trình đóng mới;
- Kiểm tra duy trì cấp tàu trong quá trình khai thác;
- Phân cấp tàu và xuất bản Sổ đăng ký kỹ thuật tàu biển;
- Kiểm tra, chứng nhận theo luật/ công ước quốc tế;
- Đánh giá, chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn (ISM Code);
- Đánh giá, chứng nhận Hệ thống an ninh tàu biển (ISPS Code);
- Đánh giá, công nhận năng lực các cơ sở sản xuất, cơ sở chế tạo và cơ sở cung cấp dịch vụ.

Câu 16: Tính chất pháp lý về các giấy chứng nhận do Cục Hàng hải cấp cho tàu biển?

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển: Giấy này đồng thời là giấy chứng nhận quốc tịch của tàu biển, cũng như xác định địa vị pháp lý của tàu đối với quốc gia mà tàu mang cờ. Giấy này có giá trị kể từ khi nó đc cấp và ghi vào trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia cho đến khi nó bị xóa đăng ký.
- Giấy phép đi biển: Căn cứ vào các điều kiện bảo đảm an toàn khi đi biển như tiêu chuẩn kỹ thuật của tàu biển, biên chế thuyền viên, bằng cấp chuyên môn của thuyền viên, vệ sinh an toàn, bảo hộ lao động và các giấy chứng nhận cấp cho tàu về các lĩnh vực liên quan phải đầy đủ và đúng quy định của quốc gia mà tàu mang cờ cũng như luật pháp quốc tế do các cơ quan có thẩm quyền cấp như cơ quan đăng kiểm tàu biển, y tế, kiểm dịch, ... cấp cho tàu. Căn cứ vào tình trạng và các giấy tờ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cho phép tàu hoạt động ở phạm vi nào, đc chở những loại hàng gì... Giấy này có giá trị phụ thuộc vào thời hạn của các giấy chứng nhận kỹ thuật khác do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu, khi hết hạn phải đc kiểm tra và cấp giấy mới. **Giấy này chỉ đc sử dụng đối với tàu biển VN và các cảng VN.**
- Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu: là mức mà mỗi con tàu khi hành hải đều phải đảm bảo sao cho mỗi bộ phận phải có số lượng và trình độ chuyên môn tối thiểu thích hợp nhằm đảm bảo an toàn cho tàu khi đưa vào sử dụng căn cứ vào cấp tàu, loại tàu, phạm vi hoạt động. Đối với các loại tàu chuyên dùng như dầu khí hóa lỏng... mức định biên có thể đc điều chỉnh cho phù hợp.

Câu 17: Các giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu biển?

- *Giấy chứng nhận khả năng đi biển*: chứng nhận về khả năng đi biển về mặt kỹ thuật của tàu, có thời hạn tùy thuộc vào tình trạng kỹ thuật của tàu. Giấy này chỉ sử dụng đối với tàu biển VN và các cảng VN. Hết hạn, tàu phải kiểm tra đánh giá để cấp lại (12 tháng).
- *Giấy chứng nhận cấp tàu*: phân cấp tàu nhằm mục đích xác nhận tàu đã thoả mãn quy định của Quy phạm phân cấp và đóng tàu. Có hiệu lực không quá 5 năm và phải đc xác nhận kiểm tra hàng năm or trung gian.
- *Giấy chứng nhận mạn khô quốc tế*: đưọc cấp theo quy định của CƯ Loadline 1966 nhằm xác định chiều chìm trọng tải của tàu để đảm bảo an toàn cho tàu. Giấy này không áp dụng cho tàu quân sự, tàu có dung tích dưới 150 GT và tàu cá. Có hiệu lực trong 5 năm và phải xác nhận tại các đợt kiểm tra hàng năm (có thể trước hoặc sau 3 tháng).
- *Giấy chứng nhận dung tích tàu*: đưọc cấp theo quy định của CƯ Tonnage 1969 sau khi cơ quan đăng kiểm kiểm tra tổng dung tích và dung tích có ích; để làm cơ sở tính một số loại phí như cảng phí, hoa tiêu, lai dắt... Có hiệu lực từ khi đưọc cấp cho đến khi tàu chuyển cờ, thay tên, đổi chủ, hoán cải và không phải xác nhận lại tại bất kỳ 1 đợt kiểm tra nào.
- *Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị tàu hàng*: đưọc cấp theo quy định của CƯ Solas 1974 nhằm đảm bảo an toàn cho tàu hàng khi khai thác như trang thiết bị cứu sinh, cứu hoả, hàng hải, tránh va, cứu thủng và kèm theo giấy chứng nhận này phải có danh mục trang thiết bị của giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị tàu hàng. Có hiệu lực trong 5 năm và kiểm tra lại hàng năm (trước hoặc sau 3 tháng).

- *Giấy chứng nhận an toàn kết cấu tàu hàng*: được cấp theo yêu cầu của CƯ Solas 1974, chứng nhận tàu thoả mãn các yêu cầu về kết cấu của tàu như thân tàu, thiết bị động lực. Có hiệu lực trong 5 năm và kiểm tra bắt buộc hàng năm (trước sau 3 tháng). **Trong mọi trường hợp giấy chứng nhận an toàn kết cấu tàu hàng không được phép gia hạn.**
- *Giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điện tàu hàng*: có hiệu lực trong 5 năm và kiểm tra bắt buộc hàng năm (trước sau 3 tháng). Thiết bị vô tuyến điện tàu hàng bao gồm cả thiết bị vô tuyến điện dùng cho phương tiện cứu sinh phù hợp với vùng hoạt động quy định của hệ thống GMDSS.
- *Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh hàng hải*: được cấp sau khi tàu hoàn thành kiểm tra lần đầu hoặc kiểm tra định kỳ tàu và thuyền viên thoả mãn các yêu cầu của CƯ Solas 74 và bộ luật an ninh tàu và bến cảng. Có hiệu lực trong 5 năm và phải được xác nhận tại các đợt kiểm tra trung gian.
- *Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm dầu do tàu gây ra*: được cấp sau khi tàu hoàn thành kiểm tra lần đầu hoặc kiểm tra định kỳ thoả mãn các yêu cầu của CƯ Marpol 73/78. Có hiệu lực trong 5 năm và phải được xác nhận tại các đợt kiểm tra trung gian, hàng năm và đợt xuất. Kèm theo phải có nhật ký dầu ghi nhận kết cấu và trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm dầu từ tàu.
- *Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm không khí do tàu gây ra*: được cấp sau khi tàu hoàn thành kiểm tra lần đầu hoặc kiểm tra định kỳ thoả mãn các yêu cầu của CƯ Marpol 73/78. Có hiệu lực trong 5 năm và phải được xác nhận tại các đợt kiểm tra trung gian, hàng năm và đợt xuất. Kèm theo phải có phụ bản ghi nhận kết cấu và trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm không khí từ tàu.

Câu 18: Các tài liệu, giấy tờ do tàu lập ra?

- *Danh sách thuyền viên*: trong quá trình khai thác tàu, căn cứ vào Sổ đăng ký thuyền viên và số thuyền viên trên tàu mà thuyền trưởng lập danh sách thuyền viên. Thường có nội dung như STT, họ tên, ngày tháng năm sinh, chức danh, quốc tịch, số hộ chiếu, nơi sinh... Có giá trị khi tàu làm thủ tục ra vào cảng.
- *Sổ nhật ký tàu*: do cơ quan quản lý tàu lập ra và được ghi hàng ngày do các sỹ quan của bộ phận boong trực ca ghi và Thuyền trưởng ký xác nhận. Được ghi liên tục kể cả thời gian tàu sửa chữa cũng như tàu không chạy biển. Nội dung ghi có thể là công tác làm điều động, làm hàng, cấp nhiên liệu, làm thủ tục, trạng thái mặt biển, thời tiết, cấp sóng, dòng chảy, hướng tàu, hướng la bàn... khi ghi trong nhật ký cần phải ghi đầy đủ, cụ thể, chính xác và liên tục. Đây là bằng chứng quan trọng khi có tranh chấp xảy ra hay khi lập kháng nghị hàng hải và khi bỏ tàu phải mang theo.
- *Nhật ký máy*: ghi lại mọi hoạt động của các loại máy như máy chính, máy phụ, nhiên liệu, các thông số kỹ thuật, các sự cố và biện pháp xử lý, các mệnh lệnh từ buồng lái... do sỹ quan máy trực ca ghi và máy trưởng ký xác nhận. Đây là bằng chứng quan trọng để xác định các tình huống liên quan đến các sự cố hàng hải và bổ sung cho nhật ký tàu.
- *Nhật ký vô tuyến điện*: Do sỹ quan vô tuyến điện ghi và thuyền trưởng ký xác nhận, trong đó có sổ điện thu, sổ điện phát, thu thời tiết...
- *Nhật ký dầu*: theo quy định của Marpol 73/78 thì các tàu phải ghi chép các công việc liên quan đến việc nhận dầu, thải dầu cặn hoặc nước có chứa dầu như ghi thời gian, toạ độ thải, tốc độ khi thải... sổ này do sỹ quan máy ghi và Thuyền trưởng ký xác nhận.

- *Nhật ký điều động*: ghi thời gian các lệnh điều động tàu và sẽ do sỹ quan boong ghi và thuyền trưởng ký xác nhận...
Ngoài ra, trên tàu còn có các loại nhật ký theo quy định như: nhật ký thủy thủ trực ca, nhật ký sử dụng rada, nhật ký theo dõi hầm hàng, nhật ký độ sai la bàn chuẩn, nhật ký khách lên tàu, sổ lệnh...

Câu 19: Quyền cầm giữ hàng hải theo BLHHVN 2015?

- Quyền cầm giữ hàng hải là quyền của người có khiếu nại được ưu tiên trong việc đòi bồi thường đối với chủ tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu mà tàu biển đó đã làm phát sinh khiếu nại hàng hải.
- Khiếu nại hàng hải là việc 1 bên yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ phát sinh liên quan đến hoạt động hàng hải.
- Các khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải có thứ tự ưu tiên cao hơn các khiếu nại hàng hải được bảo đảm bằng thế chấp tàu biển và các giao dịch bảo đảm khác.
- Quyền cầm giữ hàng hải được thực hiện thông qua Tòa án có thẩm quyền bằng quyết định bắt giữ tàu biển mà tàu biển đó liên quan đến khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải.
- Người có khiếu nại hàng hải có quyền cầm giữ hàng hải đối với tàu biển để bảo đảm cho các khiếu nại hàng hải, mặc dù tàu biển đó đã được thế chấp hoặc chủ tàu đã thực hiện giao dịch bảo đảm khác để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác trên cơ sở hợp đồng.
- Quyền cầm giữ hàng hải đối với tàu biển không bị ảnh hưởng khi có sự thay đổi chủ tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu dù người mua tàu biết hay không biết về việc tàu biển đã liên quan đến khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải.

Câu 20: Các khiếu nại phát sinh quyền cầm giữ hàng hải theo BLHHVN 2015?

1. Khiếu nại hàng hải về tiền lương, chi phí hồi hương, chi phí đóng góp bảo hiểm xã hội và các khoản tiền khác phải trả cho thuyền trưởng, sỹ quan và các thuyền viên khác trong thuyền bộ của tàu biển.
2. Khiếu nại hàng hải về tiền bồi thường tính mạng, thương tích và tổn hại khác về sức khỏe con người liên quan trực tiếp đến hoạt động của tàu biển.
3. Khiếu nại hàng hải về phí trọng tải, phí bảo đảm hàng hải và về phí, lệ phí cảng biển khác.
4. Khiếu nại hàng hải về tiền công cứu hộ tàu biển.
5. Khiếu nại hàng hải về tổn thất và thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng liên quan trực tiếp đến hoạt động của tàu biển.

Câu 21: Thời hiệu quyền cầm giữ hàng hải theo BLHHVN 2015?

1. Thời hiệu quyền cầm giữ hàng hải là 01 năm kể từ thời điểm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải.

2. Thời điểm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải quy định được tính như sau:
 - a. Từ ngày kết thúc hoạt động cứu hộ, trong trường hợp để giải quyết tiền công cứu hộ;
 - b. Từ ngày phát sinh tổn thất, trong trường hợp để giải quyết các tổn thất và thiệt hại gây ra do hoạt động của tàu biển;
 - c. Từ ngày phải thanh toán, trong trường hợp để giải quyết các khiếu nại hàng hải khác.
3. Quyền cầm giữ hàng hải chấm dứt kể từ khi chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu đã thanh toán những khoản nợ phát sinh từ các khiếu nại hàng hải liên quan; nếu tiền thanh toán vẫn do thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thay mặt chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu giữ để thanh toán các khoản nợ liên quan đến các khiếu nại hàng hải đó thì quyền cầm giữ hàng hải vẫn còn hiệu lực.
4. Trường hợp Tòa án không thể thực hiện việc bắt giữ tàu biển trong phạm vi nội thủy, lãnh hải VN để bảo vệ quyền lợi của người khiếu nại hàng hải thường trú hoặc có trụ sở chính tại VN thì thời hiệu kết thúc sau 30 ngày kể từ ngày tàu đến cảng biển VN đầu tiên, nhưng không quá 2 năm kể từ ngày phát sinh quyền cầm giữ hàng hải.

Câu 22: Khái niệm chung về thuyền bộ tàu biển?

Thuyền bộ là những thuyền viên thuộc định biên của tàu biển, bao gồm thuyền trưởng, các sĩ quan và các chức danh khác được bố trí làm việc trên tàu biển.

1. Thuyền viên là người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đảm nhiệm chức danh trên tàu biển VN.
2. Thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau:
 - a. Là công dân VN hoặc công dân nước ngoài được phép làm việc trên tàu biển VN;
 - b. Có đủ tiêu chuẩn sức khỏe, tuổi lao động và chứng chỉ chuyên môn theo quy định;
 - c. Được bố trí đảm nhận chức danh trên tàu biển;
 - d. Có sổ thuyền viên;
 - e. Có hộ chiếu để xuất cảnh hoặc nhập cảnh, nếu thuyền viên đó được bố trí làm việc trên tàu biển hoạt động tuyến quốc tế.
3. Công dân VN có đủ điều kiện có thể được làm việc trên tàu biển nước ngoài.
4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể chức danh và nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên; định biên an toàn tối thiểu; tiêu chuẩn chuyên môn và chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên; đăng ký thuyền viên và sổ thuyền viên; điều kiện để thuyền viên là công dân nước ngoài làm việc trên tàu biển VN.
5. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết về tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển VN.

Câu 23: Thế nào là một thuyền bộ an toàn?

Thuyền bộ an toàn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đảm bảo đủ về chức danh, số lượng người theo yêu cầu về định biên an toàn tối thiểu.
- Đảm bảo đủ điều kiện về sức khỏe, độ tuổi lao động.

- Đảm bảo có đủ khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh đảm nhiệm trên tàu, phù hợp với từng loại tàu theo quy định của pháp luật.
- Thuyền bộ phải đc bố trí làm việc trên tàu biển sao cho phù hợp với từng chức danh và quy định của pháp luật về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi.
- Trước khi đc bố trí làm việc chính thức trên tàu biển, các thuyền viên phải đc huấn luyện làm quen với các trang thiết bị máy móc, phương tiện kỹ thuật, làm quen với công việc trên tàu đó.

Câu 24: Địa vị pháp lý của thuyền trưởng?

1. Thuyền trưởng là người có quyền chỉ huy cao nhất ở trên tàu biển, chỉ huy tàu theo chế độ thủ trưởng. Mọi người có mặt trên tàu biển phải chấp hành mệnh lệnh của thuyền trưởng.
2. Thuyền trưởng chịu sự chỉ đạo của chủ tàu hoặc người thuê tàu, người khai thác tàu; trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường trong khi vận hành tàu, thuyền trưởng có thể tự mình quyết định nhưng sau đó phải báo cáo với chủ tàu hoặc người thuê tàu, người khai thác tàu.
3. Thuyền trưởng là đại diện đương nhiên của chủ tàu, chịu trách nhiệm trước chủ tàu về an toàn của toàn bộ con tàu.

Câu 25: Nghĩa vụ chủ yếu của thuyền trưởng theo BLHHVN 2015?

1. Tổ chức quản lý, khai thác tàu biển theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm để tàu biển có đủ các điều kiện an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cần thiết cho tàu biển và người ở trên tàu biển trước và trong khi tàu biển đang hành trình.
3. Thường xuyên giám sát để hàng hóa được bốc lên tàu biển, sắp xếp và bảo quản trên tàu biển, dỡ khỏi tàu một cách hợp lý.
4. Có biện pháp để hàng hóa trên tàu biển không bị hư hỏng, mất mát; áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của những người có lợi ích liên quan đến hàng hóa; phải tận dụng mọi khả năng thông báo cho những người có lợi ích liên quan biết về những sự kiện đặc biệt liên quan đến hàng hóa.
5. Áp dụng mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ tàu biển, người và các tài sản khác trên tàu biển; ngăn ngừa việc vận chuyển người, hàng hóa bất hợp pháp trên tàu biển.
6. Đưa tàu biển đến cảng an toàn gần nhất và thực hiện mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ tàu, người, tài sản trên tàu và tài liệu của tàu trong tình trạng khẩn cấp.
7. Tận dụng mọi khả năng cho phép để trước hết tổ chức cứu hành khách và sau đó cứu thuyền viên trong trường hợp tàu biển có nguy cơ bị chìm đắm hoặc bị phá hủy. Thuyền trưởng phải là người cuối cùng rời tàu biển sau khi đã tìm mọi cách cứu nhật ký hàng hải, hải đồ và tài liệu quan trọng khác của tàu biển.
8. Không được rời tàu biển khi tàu biển đang gặp nguy hiểm, trừ trường hợp việc rời tàu là hết sức cần thiết.
9. Trực tiếp điều khiển tàu biển đến, rời cảng, kênh đào, luồng hàng hải và khi tàu hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc khi xảy ra tình huống đặc biệt khó khăn, nguy hiểm.
10. Sử dụng hoa tiêu hàng hải, tàu lai trong trường hợp do pháp luật quy định hoặc để bảo đảm an toàn cho tàu biển.

11. Thực hiện miễn cưỡng các nhiệm vụ thuộc chức trách của mình theo đúng lương tâm nghề nghiệp.
12. Tổ chức tìm kiếm và cứu nạn những người đang trong tình trạng nguy hiểm trên biển, nếu việc thực hiện nghĩa vụ này không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho tàu biển và những người đang ở trên tàu của mình.

Câu 26: Trách nhiệm của thuyền trưởng về hộ tịch tàu biển?

1. Ghi nhật ký hàng hải và lập biên bản với sự tham gia của nhân viên y tế của tàu biển, 2 người làm chứng về các trường hợp sinh, tử xảy ra trên tàu biển và các sự kiện có liên quan; bảo quản thi thể, lập bản kê và bảo quản tài sản của người chết để lại trên tàu biển.
2. Thông báo về các trường hợp sinh, tử xảy ra trên tàu biển và chuyển di chúc, bản kê tài sản của người chết cho cơ quan hộ tịch có thẩm quyền ở cảng VN đầu tiên mà tàu biển ghé vào hoặc cho cơ quan đại diện của VN nơi gần nhất, nếu tàu biển đến cảng biển nước ngoài.
3. Sau khi đã cố gắng tìm mọi cách để xin chỉ thị của chủ tàu và hỏi ý kiến của thân nhân người chết, thuyền trưởng nhân danh chủ tàu làm thủ tục và tổ chức mai táng. Mọi chi phí liên quan đến việc mai táng được thanh toán theo quy định của pháp luật.

Câu 27: Trách nhiệm của thuyền trưởng trong việc bắt giữ người trên tàu biển?

1. Khi phát hiện hành vi phạm tội quả tang, người đang bị truy nã hoặc giữ người trong trường hợp khẩn cấp trên tàu biển khi tàu đã rời cảng, thuyền trưởng có trách nhiệm sau đây:
 - a. Bắt hoặc ra lệnh bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã; giữ người trong trường hợp khẩn cấp;
 - b. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết, lập hồ sơ theo quy định của pháp luật;
 - c. Bảo vệ chứng cứ và tùy theo điều kiện cụ thể, chuyển giao người bị bắt, giữ và hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở cảng VN đầu tiên tàu biển ghé vào hoặc cho tàu công vụ VN gặp ở trên biển hoặc thông báo cho cơ quan đại diện của VN nơi gần nhất và làm theo chỉ thị của cơ quan này, nếu tàu biển đến cảng nước ngoài.
2. Trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn, trật tự cho tàu biển, người và hàng hóa vận chuyển trên tàu, thuyền trưởng có quyền tạm giữ người đang chuẩn bị phạm tội, người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã trên tàu biển tại 1 phòng riêng.

Câu 28: Quyền hạn chủ yếu thuyền trưởng theo BLHHVN?

1. Đại diện cho chủ tàu và những người có lợi ích liên quan đến hàng hóa khi giải quyết những công việc trong điều khiển, quản trị tàu và hàng hóa được vận chuyển trên tàu biển.
2. Nhân danh chủ tàu và người có lợi ích liên quan đến hàng hóa thực hiện các hành vi pháp lý trong phạm vi công việc, có thể khởi kiện hoặc tham gia tố tụng trước Tòa án hoặc Trọng tài khi tàu biển ở ngoài cảng đăng ký.
3. Không cho tàu biển hành trình, nếu xét thấy chưa đủ điều kiện an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.
4. Áp dụng các hình thức khen thưởng hoặc biện pháp kỷ luật đối với thuyền viên thuộc quyền; có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc phải rời khỏi tàu biển những thuyền viên không đủ trình độ chuyên môn theo chức danh hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

5. Nhân danh chủ tàu vay tín dụng hoặc vay tiền mặt trong trường hợp cần thiết nhưng chỉ trong giới hạn đủ để sửa chữa tàu biển, bổ sung thuyền viên, cung ứng cho tàu hoặc vì nhu cầu khác để có thể tiếp tục chuyến đi.
6. Bán một phần tài sản hoặc phần dự trữ dự thừa của tàu biển trong phạm vi, nếu việc chờ nhận tiền hoặc chỉ thị của chủ tàu không có lợi hoặc không thực hiện được.
7. Trong thời gian thực hiện chuyến đi, nếu không còn cách nào khác để có đủ các điều kiện cần thiết cho việc kết thúc chuyến đi thì có quyền cầm cố hoặc bán một phần hàng hóa sau khi đã tìm mọi cách xin chỉ thị của người thuê vận chuyển và chủ tàu mà không được.
8. Trong khi đang hành trình mà trên tàu biển không còn lương thực, thực phẩm dự trữ thì có quyền sử dụng một phần hàng hóa là lương thực, thực phẩm vận chuyển trên tàu; nếu thật cần thiết thì có quyền sử dụng lương thực, thực phẩm của những người đang ở trên tàu.
9. Trường hợp tàu biển đang trong tình trạng nguy hiểm trên biển thì có quyền yêu cầu cứu nạn và sau khi thỏa thuận với các tàu đến cứu nạn, có quyền chỉ định tàu thực hiện việc cứu hộ.

Câu 29: Phân hạng chức danh sỹ quan tàu biển?

- Theo quy định của CƯ STCW 78/2010 thì thuyền viên đc chia thành các mức trách nhiệm:
- + Mức quản lý: là mức độ trách nhiệm có liên quan đến việc phân công làm việc với chức danh thuyền trưởng, đại phó, máy trưởng và máy hai trên các tàu hoạt động tuyến quốc tế và đảm bảo rằng mọi chức năng trong lĩnh vực thuộc trách nhiệm đc giao thực hiện 1 cách chính xác và đầy đủ.
- + Mức vận hành: là mức độ trách nhiệm có liên quan đến việc phân công làm việc với chức danh sỹ quan trực ca boong, sỹ quan trực ca buồng máy, sỹ quan vô tuyến điện, trực tiếp duy trì các chức năng trong phạm vi trách nhiệm dưới sự chỉ dẫn của cá nhân ở mức trách nhiệm quản lý.
- + Mức trợ giúp: là mức độ trách nhiệm có liên quan đến việc hoàn thành các công việc, nhiệm vụ or trách nhiệm đc giao dưới sự hướng dẫn của cơ quan cấp trên.
- Các chức danh của thuyền viên trên tàu biển VN đc phân thành các nhóm sau:
- + Mức trách nhiệm quản lý: thuyền trưởng, đại phó, máy trưởng, máy hai.
- + Mức trách nhiệm vận hành: sỹ quan boong, máy, điện và vô tuyến điện.
- + Mức trách nhiệm trợ giúp: các thuyền viên đảm nhận chức danh thủy thủ, thợ máy, thợ điện, phục vụ.

Câu 30: Điều kiện đối với thuyền viên để được làm việc trên tàu biển?

1. Thuyền viên là người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đảm nhiệm chức danh trên tàu biển VN.
2. Thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau:
 - a. Là công dân VN hoặc công dân nước ngoài được phép làm việc trên tàu biển VN;
 - b. Có đủ tiêu chuẩn sức khỏe, tuổi lao động và chứng chỉ chuyên môn theo quy định;
 - c. Được bố trí đảm nhận chức danh trên tàu biển;
 - d. Có sổ thuyền viên;

e. Có hộ chiếu để xuất cảnh hoặc nhập cảnh, nếu thuyền viên đó được bố trí làm việc trên tàu biển hoạt động tuyến quốc tế.

3. Công dân VN có đủ điều kiện có thể được làm việc trên tàu biển nước ngoài.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể chức danh và nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên; định biên an toàn tối thiểu; tiêu chuẩn chuyên môn và chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên; đăng ký thuyền viên và sổ thuyền viên; điều kiện để thuyền viên là công dân nước ngoài làm việc trên tàu biển VN.

5. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết về tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển VN.

Câu 31: Nghĩa vụ của thuyền viên theo BLHHVN 2015?

1. Thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam có nghĩa vụ sau đây:

- a. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật VN, ĐU'QT mà CHXHCN Việt Nam là thành viên và pháp luật của quốc gia nơi tàu biển VN hoạt động;
- b. Thực hiện mẫn cán nhiệm vụ của mình theo chức danh được giao và chịu trách nhiệm trước thuyền trưởng về những nhiệm vụ đó;
- c. Thực hiện kịp thời, nghiêm chỉnh, chính xác mệnh lệnh của thuyền trưởng;
- d. Phòng ngừa tai nạn, sự cố đối với tàu biển, hàng hóa, người và hành lý trên tàu biển. Khi phát hiện tình huống nguy hiểm, phải báo ngay cho thuyền trưởng hoặc sĩ quan trực ca biết, đồng thời thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa tai nạn, sự cố phát sinh từ tình huống nguy hiểm đó;
- e. Quản lý, sử dụng giấy chứng nhận, tài liệu, trang thiết bị, dụng cụ và tài sản khác của tàu biển được giao phụ trách. 2. Thuyền viên VN làm việc trên tàu biển nước ngoài có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động đã ký với chủ tàu hoặc người sử dụng lao động nước ngoài.

Câu 32: Chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên theo BLHHVN 2015?

1. Chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên làm việc trên tàu biển VN được thực hiện theo quy định của pháp luật VN và ĐU'QT liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp chủ tàu hoặc thuyền trưởng yêu cầu thuyền viên rời tàu biển thì chủ tàu có trách nhiệm chu cấp mọi chi phí sinh hoạt và đi đường cần thiết để thuyền viên hồi hương; trong trường hợp thuyền trưởng yêu cầu thuyền viên rời tàu biển thì thuyền trưởng phải báo cáo chủ tàu.

3. Trường hợp tài sản riêng hợp pháp của thuyền viên bị tổn thất do tàu biển bị tai nạn thì chủ tàu phải bồi thường tài sản đó theo giá thị trường tại thời điểm và địa điểm giải quyết tai nạn. Thuyền viên có lỗi trực tiếp gây ra tai nạn làm tổn thất tài sản của mình thì không có quyền đòi bồi thường tài sản đó.

4. Chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên VN làm việc trên tàu biển nước ngoài và của thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển VN được thực hiện theo hợp đồng lao động.

Câu 33: Quy định về việc hồi hương của thuyền viên theo BLHHVN 2015?

1. Chủ tàu có trách nhiệm bố trí cho thuyền viên hồi hương và thanh toán chi phí trong trường hợp sau đây:

- a. Hợp đồng lao động của thuyền viên hết hạn;
- b. Thuyền viên bị ốm đau, tai nạn lao động hàng hải cần phải hồi hương;
- c. Tàu bị chìm đắm;
- d. Bán tàu hoặc thay đổi đăng ký tàu;
- e. Tàu hoạt động tại khu vực chiến tranh mà thuyền viên không đồng ý tiếp tục làm việc trên tàu;
- f. Các trường hợp khác do 2 bên thỏa thuận.

2. Chủ tàu không phải thanh toán các khoản chi phí cho thuyền viên khi hồi hương trong trường hợp thuyền viên bị xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc thuyền viên đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

3. Chi phí liên quan đến việc hồi hương của thuyền viên do chủ tàu thanh toán bao gồm:

- a. Chi phí đi đến địa điểm hồi hương được quy định trong hợp đồng;
- b. Chi phí ăn, ở của thuyền viên tính từ thời điểm rời tàu biển cho đến thời điểm đến địa điểm hồi hương;
- c. Tiền lương và trợ cấp đi lại của thuyền viên tính từ thời điểm rời tàu biển cho đến thời điểm đến địa điểm hồi hương;
- d. Chi phí vận chuyển tối đa 30 kg hành lý cá nhân của thuyền viên đến địa điểm hồi hương;
- e. Chi phí chăm sóc y tế cần thiết cho tới khi thuyền viên đủ điều kiện sức khỏe để đi đến địa điểm hồi hương.

4. Chủ tàu có trách nhiệm bố trí cho thuyền viên hồi hương bằng các phương tiện phù hợp và thuận lợi. Thuyền viên hồi hương được đưa tới địa điểm quy định trong hợp đồng lao động của thuyền viên hoặc địa điểm nơi thuyền viên cư trú.

5. Thời hiệu khiếu nại liên quan đến hồi hương của thuyền viên là 1 năm kể từ ngày hồi hương.

6. Chủ tàu có trách nhiệm lưu giữ trên tàu bản sao và cung cấp cho thuyền viên các văn bản pháp luật quy định về hồi hương.

7. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải thu xếp cho thuyền viên hồi hương, chủ tàu có trách nhiệm hoàn trả các chi phí đó.

Câu 34: Trách nhiệm của chủ tàu trong việc chăm sóc sức khỏe cho thuyền viên theo quy định của BLHHVN 2015?

1. Chủ tàu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển theo quy định sau đây:

- a. Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe thuyền viên trên tàu như người lao động làm việc trên bờ về thuốc, trang thiết bị y tế, tài liệu hướng dẫn y tế, thông tin y tế và tham vấn chuyên môn về y tế;
 - b. Bảo đảm cho thuyền viên được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở nha khoa tại cảng mà tàu ghé vào;
 - c. Có các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động hàng hải, bệnh tật thông qua tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho thuyền viên.
2. Chủ tàu có trách nhiệm thực hiện quy định về bố trí bác sĩ trên tàu như sau:
- a. Đối với tàu biển có từ 100 người trở lên và thực hiện chuyến đi quốc tế dài hơn 3 ngày phải bố trí ít nhất 1 bác sĩ;
 - b. Đối với tàu biển có dưới 100 người và không có bác sĩ trên tàu, phải bố trí ít nhất 1 thuyền viên chịu trách nhiệm chăm sóc y tế và quản lý thuốc hoặc một thuyền viên có khả năng sơ cứu y tế.

Thuyền viên chịu trách nhiệm chăm sóc y tế, sơ cứu y tế phải là người đã hoàn thành khóa đào tạo về chăm sóc y tế, sơ cứu y tế theo quy định của CUQT về Tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên.

Câu 35: Trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp?

1. Thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả, bao gồm: điều trị y tế, phẫu thuật, nằm viện, các loại thuốc, trang thiết bị điều trị cần thiết, chi phí ăn, ở của thuyền viên từ khi sơ cứu cho đến khi thuyền viên bình phục hoặc đến khi xác định là bệnh mãn tính.
2. Trả đủ tiền lương ghi trong hợp đồng lao động thuyền viên trong thời gian điều trị.
3. Thanh toán chi phí mai táng trong trường hợp thuyền viên bị tử vong trên tàu hoặc trên bờ trong thời gian đi tàu.
4. Vận chuyển thi thể hoặc tro cốt của thuyền viên bị tử vong về địa điểm hồi hương.
5. Chủ tàu không phải thanh toán chi phí cho thuyền viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Bị thương, bị bệnh xảy ra ngoài thời gian đi tàu;
 - b. Bị thương, bị bệnh do hành vi cố ý của thuyền viên.
6. Bảo vệ và trả lại tài sản của thuyền viên để lại trên tàu cho thuyền viên hoặc thân nhân của họ trong trường hợp thuyền viên rời tàu khi bị bệnh, bị thương hoặc tử vong.

Câu 36: Những yêu cầu đáp ứng khả năng an toàn đi biển của tàu?

Điều kiện cần và đủ để tàu biển có đủ khả năng đi biển:

- *Nhóm các điều kiện về trang thiết bị của tàu:* từ quan sát phía bên ngoài cũng như tình trạng bên trong của tôn vỏ tàu, tàu phải đảm bảo độ kín nước, không bị lỗi lõm bất thường. Con tàu phải đc lắp đặt đầy đủ trang thiết bị máy móc, phương tiện kỹ thuật theo quy định

của pháp luật, đặc biệt trang thiết bị về cứu hỏa, cứu sinh, cứu thủng, phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

- *Nhóm các điều kiện về thuyền bộ của tàu:* tàu biển phải đc định biên đầy đủ theo quy định của pháp luật về định biên an toàn tối thiểu, đảm bảo đủ số thuyền viên để đảm bảo các ca trực liên quan đến việc vận hành, khai thác tàu biển... Thuyền viên phải đáp ứng tiêu chuẩn về sức khỏe để làm việc trên tàu biển, có đủ giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ phù hợp với chức danh đảm nhiệm trên tàu, với từng loại tàu...
- *Nhóm các điều kiện đối với hàng hóa, hành lý:* hàng hóa, hành lý phải đc sắp xếp, chèn lót, chằng buộc, bảo quản cẩn thận và thích hợp để không bị or hạn chế tới mức thấp nhất các hư hỏng, mất mát hàng và đảm bảo ổn định cho tàu.
- *Nhóm các điều kiện về cung ứng thích hợp của tàu:* tàu phải đc cung ứng đầy đủ và thích hợp cho chuyến đi: cung ứng về dầu nhiên liệu, dầu bôi trơn, nước ngọt cho hệ thống máy móc hoạt động bình thường và dự trữ; cung ứng về nước sinh hoạt, thực phẩm, thuốc y tế, tiền mặt phục vụ cho cho tiêu đột xuất của thuyền bộ...
- *Nhóm các điều kiện về hành khách:* hành khách phải đc huấn luyện or thông báo chỉ dẫn về nội quy, quy định an toàn trên biển. Chủ tàu/ người vận chuyển phải mua bảo hiểm cho khách theo quy định của pháp luật.
- Tàu phải hoàn thành các khoản phí, lệ phí đối với các dịch vụ mà tàu sử dụng tại cảng.

Câu 37: Việc kiểm tra tàu thường xuyên, kiểm tra trung gian và kiểm tra định kỳ được tiến hành như thế nào?

- *Kiểm tra thường xuyên:* do thuyền trưởng, các thuyền viên và đại diện chính quyền hành chính kiểm tra tàu mỗi khi tàu ghé cảng. Kiểm tra do chính quyền hành chính thực hiện có 2 loại: đối với tàu nước ngoài và tàu mang cờ quốc gia có cảng.
- *Kiểm tra trung gian:* thực hiện kiểm tra đối với tàu 2.5 năm 1 lần khi tàu tiến hành sửa chữa nhỏ, tuy nhiên có thể bố trí kiểm tra trung gian vafo cùng các đợt kiểm tra hàng năm lần thứ 2 or thứ 3.
- *Kiểm tra định kỳ:* thực hiện kiểm tra toàn diện và cấp lại giấy chứng nhận cho con tàu 5 năm một lần khi tàu tiến hành sửa chữa lớn.

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com